

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Bộ và bà Đỗ Thị Ái Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/7/2015; sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H chơi bời cờ bạc, sử dụng ma túy đá, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị nhiều lần nhờ hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi dẫn đến vợ chồng tình cảm lạnh nhạt, tuy vẫn sống chung cùng nhà nhưng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Đến năm 2018 anh H phạm tội mua bán trái phép chất ma túy nên đã bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành xử phạt 48 tháng tù, đến năm 2022 anh H chấp hành xong hình phạt tù và về địa phương cư trú; trong thời gian khoảng 01 năm thì anh H có thay đổi,

đi làm việc tại công ty nên vợ chồng hàn gắn được mâu thuẫn. Khoảng trước Tết âm lịch năm 2024 thì anh **H** lại tiếp tục chơi cờ bạc dẫn đến vay nợ nhiều người và đã nhiều lần chị phải trả nợ tiền cờ bạc cho anh **H** nên vợ chồng lại xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Cũng từ thời gian này anh **H** không đi làm tại công ty mà chỉ đi làm tự do quanh khu vực **xã C**, và thường xuyên không về nhà, không quan tâm đến vợ con. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Nguyễn Văn H**.

2. *Về con chung*: Chị và anh **H** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Hoàng L**, sinh ngày 08/11/2015 và cháu **Nguyễn Hoàng L1**, sinh ngày 15/02/2018. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, vì anh **H** không có trách nhiệm gì với các con. Chị được bố mẹ đẻ ở **xã T, thị xã K** tạo điều kiện cho 03 mẹ con chị về chỗ ở, cũng như hỗ trợ chị trong việc trông nom, chăm sóc con cũng như về kinh tế nên đảm bảo việc nuôi con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm công nhân tại **Công ty M** tại **khu Công nghiệp N, Hải Dương**; tổng thu nhập mỗi tháng được khoảng 12-15 triệu đồng nên đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của bị đơn*: Quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bị đơn đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng Bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại Công an xã C, huyện K*: Anh **Nguyễn Văn H** đăng ký cư trú và hiện nay đang sinh sống tại **thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương**.

- Bà **Lê Thị L2** - *Trưởng thôn T, xã C, huyện K* cung cấp: Chị **P** và anh **H** sau khi đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương** thì chung sống cùng nhau tại nhà mẹ đẻ anh **H** ở **thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương**; trong thời gian vợ chồng chung sống thì anh **H** có thời gian phải đi chấp hành hình phạt tù. Theo thông tin địa phương nắm được thì vợ chồng anh **H** có xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay.

- *Tại Văn bản số 16410/QLXNC-P3 ngày 25/7/2024 của Cục X- Bộ C* xác định: Không có thông tin cấp hộ chiếu của trường hợp **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993, CCCD số: 030093001929 nên không có cơ sở xác định chính xác thông tin xuất nhập cảnh của đương sự bằng các giấy tờ khác.

- Bà **Nguyễn Thị H1** (là mẹ đẻ của anh **H**) khai: Sau khi kết hôn thì đến năm 2018 thì vợ chồng anh **H** phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh **H** chơi cờ bạc dẫn đến việc chị **P** phải trả nợ cho anh **H**, anh **H** bỏ việc ở Công ty, không đi làm và không quan tâm đến gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm và xô sát. Bà đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh **H** không thay đổi.

Hiện nay anh H, chị P vẫn ở cùng nhau tại gia đình bà ở thôn T, xã C. Bà đã nhận thay anh H các văn bản tố tụng của Tòa án và đã trực tiếp giao cho anh H các văn bản này. Anh H có nói với bà là nếu không hợp nhau thì chị P muốn làm gì thì làm, nếu anh H về gặp chị P thì lại cãi nhau nên anh H không đến Tòa án làm việc.

Bà nhận thay anh H các văn bản tố tụng của Tòa án giao, cam đoan sẽ giao trực tiếp cho anh H.

- Bà Vũ Thị T (mẹ đẻ của chị P) khai: Vợ chồng chị P, anh H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H có sử dụng ma túy, chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến gia đình nên xảy ra cãi vã, xô sát. Gia đình 2 bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi.

Vợ chồng anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/11/2015 và cháu Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 15/02/2018. Nếu chị P ly hôn và được quyền nuôi 02 con thì gia đình bà cam đoan tạo điều kiện cho mẹ con chị P về chỗ ở cũng như hỗ trợ về kinh tế và trông nom, chăm sóc con tốt nhất.

- Cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/11/2015 (con đẻ của chị P, anh H) khai: Chị P và anh H mâu thuẫn nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và có một vài lần anh H đánh chị P. Từ khi cháu học mẫu giáo lớn thì do anh H vi phạm pháp luật và phải chấp hành hình phạt tù nên chị P đã gửi cháu về gia đình ông bà ngoại ở T, K để nhờ trông nom, chăm sóc và đưa cháu đi học. Chị P đưa tiền cho ông bà ngoại và nộp tiền học cho cháu, anh H không đóng góp tiền cho chị P để nuôi cháu; việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập của cháu đều được chị P chăm lo chu đáo. Nếu chị P, anh H ly hôn thì cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở với chị P để đảm bảo ổn định cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P, xử cho chị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự. Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/11/2015 và cháu Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 15/02/2018 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 7/2024 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật

tổ tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị **P** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại **xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương** nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 22/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Nguyễn Thị P** và anh **Nguyễn Văn H** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương** vào ngày 14/7/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị **P**, anh **H** phát sinh mâu thuẫn; quá trình Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, anh **H** cũng không chấp hành quy định của pháp luật về việc triệu tập cũng như đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tham gia phiên hòa giải, xét xử; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn không thể hiện nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Mặt khác, trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh **H** cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm; vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân và chị **P** vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị P** về việc ly hôn với anh **Nguyễn Văn H**.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng chị **P**, anh **H** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Hoàng L**, sinh ngày 08/11/2015 và cháu **Nguyễn Hoàng L1**, sinh ngày 15/02/2018 hiện đang do chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **P** có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị **P** hiện đang là người trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc cả 02 con chung và khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung; chị có công việc và thu nhập ổn định, được bố mẹ đẻ tạo điều kiện hỗ trợ về chỗ ở cũng như kinh tế trong việc nuôi con; khi Tòa án lấy lời khai thì cháu **L** có nguyện vọng được ở với mẹ. Đối với anh **H**, trong quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện không hợp tác, không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập, cần tiếp tục giao cả 02 con chung là cháu **Nguyễn Hoàng L** và **Nguyễn Hoàng L1** cho chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **P** về việc không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P*; xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Nguyễn Thị P** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn H**.

- *Về con chung*: Giao cho chị **Nguyễn Thị P** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu **Nguyễn Hoàng L**, sinh ngày 08/11/2015 và cháu **Nguyễn Hoàng L1**, sinh ngày 15/02/2018. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 7/2024 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Nguyễn Thị P** về việc không yêu cầu anh **Nguyễn Văn H** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị P** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, Phương phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23; số 0002001 ngày 03/5/2024. Chị **Nguyễn Thị P** đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kim Thành.
- Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- UBND xã Cộng Hòa, Kim Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa